

TRƯỜNG THPT BÙI THỊ XUÂN – ĐÀ LẠT
TỔ NGŨ VĂN

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II (2025 – 2026)
MÔN NGŨ VĂN, LỚP 12

PHẦN 1: MA TRẬN, ĐẶC TẢ

A. MA TRẬN

Khung ma trận đề 100% tự luận - Lớp 12

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức / Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức				Tổng
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Thơ trữ tình hiện đại	2 câu	2 câu	1 câu		5 câu
		Văn bản thông tin	(10%)	(20%)	(10%)		(40%)
2	Viết	- Viết đoạn văn nghị luận xã hội	1*	1*	1*	1*	1 câu (20%)
		- Viết bài văn nghị luận văn học	1*	1*	1*	1*	1 câu (40%)
Tổng			30%	40%	20%	10%	100%
			70%		30%		

B. BẢNG ĐẶC TẢ

TT				Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá					40
	ĐỌC HIỂU							

		Nhận biết: - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ - Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại - Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ - Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ Thông hiểu: - Xác định và nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ. - Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ - Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ - Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ; giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh trong bài thơ Vận dụng: - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ trong bài thơ.	2	2	1	
--	--	--	---	---	---	--

			Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.	
--	--	--	---	--

		2. Văn bản thông tin Nhận biết: - Nhận diện, xác định được các chi tiết, dữ liệu trong văn bản - Nhận biết được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản - Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản - Nhận biết được các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ,...được sử dụng trong văn bản Thông hiểu: - Phân tích, lí giải được mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản - Phân tích, đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; lí giải được thái độ và quan điểm của người viết - Phân tích, lí giải được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản - Chỉ ra được hiệu quả, tác dụng của cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản. - Phân tích được vai trò và cách sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong văn bản Vận dụng:		
--	--	--	--	--

			- Đánh giá được mức độ chính xác, tin cậy, tính hữu ích của thông tin, tri thức trong văn bản Vận dụng cao: - Có quan điểm riêng trong đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm của cá nhân. - So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.					
2	VIẾT	1. Viết đoạn văn nghị luận xã hội 2. Viết bài văn nghị luận văn học	Nhận biết - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn - Xác định rõ mục đích, đối tượng nghị luận Thông hiểu - Giải thích được khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận: - Triển khai thành các ý của đoạn văn - Kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đọc - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt Vận dụng - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với đời sống - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. Vận dụng cao - Kết hợp các phương thức biểu đạt, các kiến thức tiếng Việt để tăng thuyết phục, hấp dẫn cho bài viết - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác	1*	1*	1*	1*	40
			Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác	1*	1*	1*	1*	20

			giả, thể loại... của đoạn trích/tác phẩm - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày được những nội dung khái quát của đoạn trích/tác phẩm văn học - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật và chủ đề của đoạn trích/tác phẩm - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích, tác phẩm - Thể hiện được sự đồng tình/ không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/ đoạn trích) - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, hợp logic Vận dụng cao: - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức đoạn trích/ tác phẩm - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết - Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 12 lớp để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.					
Tỉ lệ %				30%	40%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung				70%	30%			

PHẦN 2: KIẾN THỨC CƠ BẢN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN

Bài 8

DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN

*** Yêu cầu cần đạt**

Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc

Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác

Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin, phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.

So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ

Hiểu được các quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin hay câu chữ của người khác trong bài viết của mình để tránh vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Viết được thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

Biết tranh biện về một vấn đề đời sống (có những ý kiến trái ngược nhau), thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh biện.

Có cái nhìn cởi mở, thái độ tôn trọng đối với những gì khác biệt.

*** TRI THỨC NGŨ VĂN**

Vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin

Dữ liệu là các thông tin dưới dạng chữ viết, kí hiệu, số liệu, hình ảnh, âm thanh, nhằm mô tả hoặc đo lường sự vật.

Có thể nói, dữ liệu là yếu tố quan trọng bậc nhất trong văn bản thông tin. Văn bản thông tin chỉ thực sự có giá trị khi cung cấp được cho người đọc những thông tin mới, đáng tin cậy, dựa trên những dữ liệu phong phú, chính xác, khách quan. Lập trường, thái độ, quan điểm của tác giả cũng được bộc lộ một cách gián tiếp qua cách chọn lọc, sắp xếp, trình bày, phân tích, đánh giá dữ liệu.

Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu sơ cấp là dữ liệu được người viết thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm. Dữ liệu sơ cấp có thể tồn tại dưới dạng các bản ghi chép, nhật kí, số liệu điều tra, kết quả khảo sát, thực nghiệm, bản vẽ, ảnh chụp tại hiện trường. Dữ liệu sơ cấp có giá trị thực tiễn, giúp người đọc hình dung ra hiện trạng của vấn đề, sự việc, tuy nhiên có thể hàm chứa thiên kiến của người thu thập.

Dữ liệu thứ cấp là dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, sử dụng lại những nguồn thông tin đã có từ trước. Dữ liệu thứ cấp mang lại cái nhìn đa dạng nhiều chiều hơn về vấn đề, song độ tin cậy của dữ liệu thứ cấp lại phụ thuộc vào nguồn thông tin gốc

Tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu

Để đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản thông tin, người đọc có thể thực hiện một số thao tác sau:

- Thẩm định nguồn dữ liệu: Ai là người cung cấp dữ liệu, người cung cấp dữ liệu có đúng thẩm quyền và uy tín hay không, dữ liệu được công bố ở đâu, khi nào, qua kênh nào.
- Đánh giá tính logic trong cách trình bày: Dữ liệu được đưa ra theo trình tự nào? Mức độ tương hợp giữa các dữ liệu được thể hiện ra sao?
- Phân biệt sự thật và ý kiến: Sự thật là những số liệu, ví dụ, trích dẫn, câu chuyện thực tế mang tính khách quan, có thể đo lường, kiểm chứng, ý kiến là đánh giá nhận định dựa trên quan điểm chủ quan của một cá nhân, khó xác minh.
- Suy luận để nhận ra thiên kiến của tác giả: Tìm các từ ngữ cho thấy sự thái quá của cảm xúc, những chi tiết thể hiện sự giản lược hoá hoặc cường điệu trong việc huy động dữ liệu
- So sánh các dữ liệu trong văn bản đọc với dữ liệu tương tự ở một số văn bản khác. Tìm điểm tương đồng, khác biệt trong cách nêu, phân tích dữ liệu giữa các văn bản và lí giải nguyên nhân dẫn đến điều đó

Thư từ

Thư từ (thư nói chung là hình thức văn bản đặc biệt, có đối tượng tiếp nhận cụ thể được dùng với nhiều mục đích giao tiếp khác nhau: bày tỏ tình cảm, chia sẻ một trải nghiệm, cung cấp thông tin, thuyết phục hay thể hiện sự đồng tình với người đọc về một vấn đề. Tùy vào mục đích chủ yếu được nhắm đến mà một bức thư có thể là văn bản biểu cảm, văn bản tự sự, văn bản thông tin hay văn bản nghị luận. Sự pha trộn các yếu tố của nhiều kiểu văn bản khác nhau là hiện tượng thường thấy trong một bức thư

Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Tôn trọng kết quả lao động sáng tạo của người khác và biết cách tiếp thu, kế thừa kết quả đó trong sản phẩm trí tuệ của mình theo đúng quy định và thông lệ quốc tế là yêu cầu bắt buộc trong học tập và nghiên cứu. Điều đó không chỉ góp phần tạo nên những sản phẩm sáng tạo mà còn bồi dưỡng cho người học, người nghiên cứu tính trung thực niềm say mê tìm tòi, khám phá cái mới.

BÀI 9 VĂN HỌC VÀ CUỘC ĐỜI

*** Yêu cầu cần đạt**

Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản, phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản.

Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm, phát hiện được giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh từ văn bản.

- Có nhận thức đúng về việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt để sử dụng phù hợp với chuẩn ngôn ngữ, góp phần làm cho tiếng nói của dân tộc đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giao tiếp.

Viết được bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội. Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước nắm bắt được nội dung và quan điểm của bài thuyết trình.

Biết sống chủ động, lạc quan và vượt lên mọi nghịch cảnh để khẳng định niềm tin vào cuộc đời.

*** TRI THỨC NGŨ VĂN**

Giá trị của tác phẩm văn học

Giá trị nhận thức

Văn học mang lại những tri thức tổng hợp về cuộc sống, mở rộng hiểu biết của người đọc về nhiều lĩnh vực khác nhau: chính trị, lịch sử, địa lý, văn hoá, phong tục. Đặc biệt, văn học giúp độc giả thấu hiểu thế giới phức tạp của con người cá nhân, từ đó thấu hiểu chính mình.

Ngoài những điều trên, văn học còn có khả năng nhận thức về điều có thể xảy ra hay về một số phương diện phi lý, "bất khả tri" của cuộc sống. Do đó, văn học có thể hỗ trợ người đọc xây dựng được tâm thế sống tích cực, sẵn sàng ứng phó với bao biến cố khó lường ở phía trước.

Giá trị giáo dục

Văn học tác động sâu sắc đến nhân sinh quan của người đọc. Qua việc tạo nên những hình tượng nghệ thuật giàu sức hấp dẫn, văn học giúp con người thể nghiệm, đồng cảm với những nhân vật, tình huống trong tác phẩm, khơi dậy những cảm xúc tốt đẹp như sự ngưỡng mộ trước cái đẹp, cái cao cả, sự căm phẫn trước cái xấu, cái ác. Bằng cách đánh thức sự tự suy ngẫm, văn học khiến con người tự chuyển hoá, tự hoàn thiện bản thân.

Giá trị thẩm mỹ

Văn học giúp định hướng lí tưởng thẩm mỹ, mài sắc giác quan thẩm mỹ của con người, Nhờ tiếp xúc với ngôn từ và hình tượng giàu tính thẩm mỹ, thể hiện rõ lí tưởng thẩm mỹ của

tác giả, người đọc biết rung động trước cái đẹp, biết thẩm định, thưởng thức cái đẹp nghệ thuật và biết phát hiện ra cái đẹp trong cuộc sống.

Giá trị văn hoá

Văn học là một thành tố quan trọng của văn hoá. Thông qua văn học, người đọc hiểu được lời ăn tiếng nói, lối sống, cách nghĩ, truyền thống và phong tục, quan niệm về giá trị... của một cộng đồng. Văn học vừa góp phần bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống, vừa không ngừng tìm tòi, phát hiện và sáng tạo ra những giá trị văn hoá mới.

Chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học

Chủ đề là vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn biểu đạt, là tư tưởng quán xuyến trong tác phẩm. Chủ đề thể hiện sự tìm tòi, phát hiện về cuộc sống và chiều sâu tư tưởng, cá tính sáng tạo của nhà văn. Trong các yếu tố chính tạo nên tầm vóc của tác phẩm, chủ đề có một vị trí đặc biệt quan trọng.

Tư tưởng là sự nhận thức, lí giải của nhà văn về đời sống, được bộc lộ qua cách lựa chọn đề tài, tổ chức hình tượng, sử dụng ngôn từ trong tác phẩm,... Tư tưởng được biểu hiện qua hai bình diện: sự lí giải chủ đề và cảm hứng. Sự lí giải chủ đề là lập trường, quan điểm mà dựa trên đó nhà văn cắt nghĩa các tình huống, sự kiện, nhân vật,... Cảm hứng là cảm xúc mãnh liệt, được dồn nén cao độ, thúc đẩy hành động sáng tạo của nhà văn. Nếu sự lí giải chủ đề làm nên chiều sâu tư tưởng của tác phẩm, thì cảm hứng khơi gợi sự đồng cảm, tác động mạnh mẽ đến cảm xúc của người đọc.

Chủ đề, tư tưởng được coi là lớp nội dung chủ quan của tác phẩm, thể hiện rõ cách tiếp cận, sự suy ngẫm, đánh giá, xúc cảm riêng của mỗi nhà văn về phạm vi và các vấn đề đời sống được đề cập trong tác phẩm.

Giữ gìn và phát triển tiếng Việt

Tiếng Việt nói riêng và tất cả các ngôn ngữ khác trên thế giới nói chung là những thực thể sống động, không ngừng phát triển theo sự phát triển của đời sống xã hội. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, góp phần làm cho tiếng Việt phát triển là trách nhiệm của mỗi người đối với tiếng nói mà cha ông để lại.

Việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt, một mặt, đòi hỏi chúng ta phải tuân thủ các quy ước chung về ngữ âm, chính tả (chữ viết), từ ngữ, ngữ pháp,... vốn được xác lập và phát triển qua một quá trình lịch sử lâu dài, mặt khác, đặt ra yêu cầu sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo, tạo điều kiện bổ sung các yếu tố mới để tiếng Việt đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giao tiếp của cộng đồng.

PHẦN 3: ĐỀ THAM KHẢO



I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Nói với con

*Con ơi, núi cao vì không chê đá
người lớn lên vì không sợ nghèo
trâu chẳng sợ cày
gà chẳng sợ gáy
con đừng sợ gian nan
sợ lòng mình bỏ cuộc
núi cho con bóng mát

đừng đón rừng lấy củi
suối cho con nước ngọt
đừng làm đục vì vàng*

*người biết thương đất
đất sẽ nuôi người
người biết thương người
cả bản sẽ ấm
đi đâu cũng nhớ
con sinh ra ở bản này
không có sách, có lời mẹ
không có đèn, có ánh trăng
nhưng có đủ làm nên một con người*

(Lâu Văn Mua¹, in trong *Bụng đói lòng no*, NXB Hội Nhà Văn, 2025, tr.16)

Chú thích:

Lâu Văn Mua sinh năm 1992, là người dân tộc Mông, quê tại huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Thơ anh nổi bật với sự kết hợp hài hòa giữa văn hóa bản địa vùng cao và tư duy văn học đương đại.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra 01 dấu hiệu hình thức để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Theo văn bản, đề lớn lên, *con* không được sợ điều gì?

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp lặp cấu trúc trong những dòng thơ:

*núi cho con bóng mát
đừng đón rừng lấy củi
suối cho con nước ngọt
đừng làm đục vì vàng*

Câu 4. Trình bày cách hiểu của anh/chị về những dòng thơ:

*không có sách, có lời mẹ
không có đèn, có ánh trăng
nhưng có đủ làm nên một con người*

Câu 5. Hai ngữ liệu sau có sự tương đồng nào về ý nghĩa:

*Con ơi, núi cao vì không chê đá
người lớn lên vì không sợ nghèo*

(Lâu Văn Mua, Nói với con)

*Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói*

(Y Phương, Nói với con)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý nghĩa của gian nan, thử thách trong cuộc sống.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật bài thơ *Nói với con* của Lâu Văn Mua.

-----**HẾT**-----